

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-10-2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Th1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nh; nơi cư trú: Thôn HK, xã HNh, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th; nơi cư trú: Thôn HK, xã HNh, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 18 tháng 12 năm 1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Măng Th1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại phiên hòa giải và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn Th, trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn như nội dung chị Nh trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gặp nhiều khó khăn nên chị Nh đã bỏ nhà vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, sinh sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải và bản thân anh cũng đã động viên chị Nh nhưng không có kết quả. Từ năm 2005 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Nh, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có 02 con chung là Nguyễn Thị Măng Th1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Nh xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

+ Về con chung: Chị Nh và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Măng Th1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1999. Các con chung của chị Nh và anh Th đều đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh và anh Th xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nh phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh và bị đơn là anh Nguyễn Văn Th có nơi cư trú: Thôn HK, xã HNh, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng tại các phiên hòa giải anh Th đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, anh Th không chấp hành đúng quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả vụ án. Anh Th đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa lần hai cả chị Nh và anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh và bị đơn là anh Nguyễn Văn Th.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 12 năm 1991. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị Nh xin ly hôn, anh Th không đồng ý. Anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Nh. Tuy nhiên, anh không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, thời gian vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

[5] Về con chung: Chị Nh và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Măng Th1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1999. Các con chung của chị Nh và anh Th đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh và anh Th đều xin tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nh đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0001385 ngày 25 tháng 3 năm 2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Nh đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Bảo;
- **UBND xã Hưng Nhân;**
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh